

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 4412/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-09-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Ông Mai Thanh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 828/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6952/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà LTT

Địa chỉ: tổ 2 SN, phường HD, thị xã PM, tỉnh BRVT.

Bị đơn: ông NHM

Địa chỉ: 64/2 đường 3, tổ 6, khu phố 2, phường LX, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà LTT trình bày:

Bà LTT và ông NHM tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn HK, huyện HK, tỉnh HT theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 quyền số 01/2013 ngày 02/07/2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không thể chung sống được với nhau, bà T và ông M đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không thể hoà giải đoàn tụ được với nhau. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên ông Tuấn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà T trình bày có 02 người con chung tên NLAT, sinh ngày 06/02/2014 và NLTT, sinh ngày 11/05/2017. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà LTT trình bày không có tài sản chung.

Nợ chung: Bà LTT trình bày không có nợ chung.

Bị đơn ông NHM trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, ông không đồng ý ly hôn vì ông là người có đạo thiên chúa giáo.

Về con chung: Ông M đề nghị được nuôi dưỡng con chung NLAT, bà T nuôi dưỡng con chung NLTT. Ông muốn mỗi người nuôi một trẻ để các con có điều kiện được chăm sóc tốt hơn.

Về tài sản chung: Ông M trình bày không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông M trình bày không có nợ chung.

Ông M đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T vắng mặt (có đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn ông M vắng mặt (có đề nghị xét xử vắng mặt)

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà LTT được ly hôn với ông NHM; Về con chung: bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung NLAT, sinh ngày 06/02/2014 và NLTT, sinh ngày 11/5/2017. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án nếu có đương sự có yêu cầu. Án phí hôn nhân và gia đình bà T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là ông M, cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bà T và ông M đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì bà T và ông M đã chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HK, huyện HK, tỉnh HT, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 quyển số 01/2013 ngày 02/07/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân:

Theo trình bày của bà T thì các bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét quá trình giải quyết, ông M và bà T đều đề nghị vắng mặt cho thấy ông M và bà T chưa có thiện chí hàn gắn, chưa thực sự coi trọng tình nghĩa vợ chồng, tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông M đã trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, việc cho ly hôn giữa ông M và bà T theo yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung:

Xét con chung NLAT và NLTT hiện đang sống chung với nhau và đang ở cùng mẹ, do mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, các trẻ có giới tính nữ nên việc giao các trẻ cho mẹ là bà T tiếp tục nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần cho các trẻ hơn là giao cho mỗi người nuôi một trẻ như ý kiến của ông M. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu được nuôi nuôi cả 02 con chung của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T và ông M trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông M trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí 300.000 đồng.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà LTT và ông NHM.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33 quyển số 01/2013 ngày 02/07/2013 do Ủy ban nhân thị trấn HK, huyện HK, tỉnh HT cấp cho bà LTT và ông NHM không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung tên NLAT, sinh ngày 06/02/2014 và NLTT, sinh ngày 11/5/2017 cho bà LTT trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự việc bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà LTT phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà LTT đã nộp theo biên lai thu tiền số 0026163 ngày 4/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức. Bà LTT đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- CC THADS TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thu Hiền